

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Định hướng ứng dụng

Tên ngành: Chăn nuôi

Mã số: 8620105

*(Ban hành kèm theo quyết định số 4189/QĐ-ĐHCT ngày 28 tháng 8 năm 2025
của Hiệu trưởng Đại học Cần Thơ)*

1	Tên ngành đào tạo	Chăn nuôi <i>Animal science</i>
2	Mã ngành	8620105
3	Đơn vị quản lý	Khoa Chăn nuôi, Trường Nông nghiệp
4	Chuẩn đầu vào	
4.1	Ngành phù hợp không học bổ sung kiến thức	Chăn nuôi, Chăn nuôi - Thú y, Thú y, Công nghệ giống vật nuôi
4.2	Ngành phù hợp học bổ sung kiến thức	- Nông học, - Sư phạm sinh học, - Công nghệ sinh học, - Sinh học ứng dụng, - Khuyến nông, - Phát triển nông thôn.
4.3	Yêu cầu chung	Tốt nghiệp Đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp. Có năng lực ngoại ngữ từ bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương (thuộc 6 ngôn ngữ quy định của thông tư 23/2021/TT-BGDĐT)
5	Mục tiêu	- <i>Mục tiêu chung:</i> nhằm đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, ý thức bảo vệ và rèn luyện sức khỏe; có kiến thức chuyên sâu, liên ngành và kỹ năng nghề nghiệp vững vàng; có khả năng vận dụng hiệu quả kỹ thuật – công nghệ, bao gồm công nghệ số, để tổ chức, cải tiến hoạt động sản xuất và chuyển giao kỹ thuật trong lĩnh vực chăn nuôi, góp phần phát triển nông nghiệp bền vững trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập. - <i>Mục tiêu cụ thể</i> a. Cung cấp kiến thức chuyên sâu và liên ngành, phù hợp với thực tiễn sản xuất và xu hướng phát triển kỹ thuật – công nghệ trong lĩnh vực chăn nuôi (PEO1). b. Phát triển năng lực phân tích, triển khai và giám sát các hoạt động kỹ thuật, tổ chức sản xuất và quản lý cơ sở chăn nuôi một cách hiệu quả (PEO2). c. Bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng công nghệ số và công cụ chuyên ngành trong hoạt động kỹ thuật, giao tiếp học thuật và chuyển giao kỹ thuật tại cơ sở sản xuất (PEO3).
6	Chuẩn đầu ra	
6.1	Kiến thức	a. Vận dụng hiệu quả kiến thức chuyên sâu và liên ngành để giải quyết các vấn đề kỹ thuật, quản lý và an toàn sinh học trong thực tiễn chăn nuôi (PLO1).

		b. Phân tích hiệu quả kỹ thuật, kinh tế và môi trường của các mô hình chăn nuôi; đề xuất giải pháp cải tiến phù hợp với điều kiện sản xuất cụ thể (PLO2). c. Ứng dụng được kiến thức về chăn nuôi an toàn và công nghệ số để nâng cao chất lượng sản phẩm và đáp ứng yêu cầu thị trường (PLO3).
6.2	Kỹ năng	a. Giải quyết được các vấn đề kỹ thuật trong sản xuất chăn nuôi thông qua đánh giá hiện trạng và đề xuất giải pháp cải tiến (PLO4). b. Ứng dụng công nghệ số và phần mềm chuyên ngành để thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu kỹ thuật – sản xuất; sử dụng thành thạo nền tảng số trong giao tiếp, báo cáo và quản lý kỹ thuật; đồng thời tuân thủ các nguyên tắc về an toàn thông tin và đạo đức số (PLO5). c. Giao tiếp hiệu quả trong môi trường nghề nghiệp; chuyển giao được kỹ thuật cho người chăn nuôi, doanh nghiệp hoặc tổ chức sản xuất phù hợp với từng bối cảnh cụ thể (PLO6).
6.3	Mức tự chủ và trách nhiệm	a. Chủ động thực hiện, điều phối và chịu trách nhiệm với các hoạt động kỹ thuật và tổ chức sản xuất tại cơ sở chăn nuôi (PLO7). b. Thể hiện được đạo đức nghề nghiệp, tinh thần hợp tác, tuân thủ nghiêm túc các quy định pháp luật và tiêu chuẩn kỹ thuật trong hoạt động chuyên môn (PLO8). c. Cập nhật công nghệ số và đổi mới kỹ thuật nhằm thích ứng với sự thay đổi của sản xuất và thị trường lao động nông nghiệp (PLO9).
6.4	Ngoại ngữ trước khi tốt nghiệp	Học viên tự học đạt chứng chỉ B2 (bậc 4/6) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương Yêu cầu ngoại ngữ đầu vào và ngoại ngữ đầu ra đối với mỗi người học phải cùng một ngôn ngữ.
7	Cấu trúc chương trình đào tạo	- Kiến thức chung: 3 tín chỉ (Triết học) - Kiến thức khối ngành: 14 tín chỉ (8 bắt buộc; 6 tự chọn) - Kiến thức chuyên ngành: 28 tín chỉ (15 bắt buộc; 13 tự chọn) - Học phần thực tập và tốt nghiệp: 15 tín chỉ (15 bắt buộc)
8	Đã tham khảo CTĐT của trường	• Chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Chăn nuôi, Học viện Nông nghiệp Việt Nam (https://channuoi.vnua.edu.vn/vi/dt/dao-tao-sdh) • Chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Chăn nuôi, Đại học Nông Lâm TP.HCM (http://pgo.hcmuaf.edu.vn/pgo-3955-2/vn/chuyen-nganh-chan-nuoi.html) • Chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Chăn nuôi, Đại học Nông nghiệp Thụy Điển (https://student.slu.se/en/studies/courses-and-programmes/masters-programmes/animal-science/) • Chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Chăn nuôi, Đại học Chiang Mai, Thái Lan. (https://www.cmu.ac.th/en/Faculty/course_detail/b4aa8a70-74cb-4a7f-953c-c2daee5f0c1d)
9	Học phần bổ sung kiến thức cho các ngành yêu cầu ở	- Số học phần: 01; tổng tín chỉ: 3 TC - Tên các học phần (<i>tên, mã số HP, số tín chỉ</i>) 1. Dinh dưỡng gia súc (NN547), 3 tín chỉ

	mục 4.2	
10	Tuyển sinh	Theo đề án tuyển sinh của Đại học Cần Thơ hàng năm, với 3 hình thức có thể áp dụng: Xét tuyển; Xét tuyển kết hợp thi tuyển; Thi tuyển.
10.1	Môn thi tuyển sinh (nếu chọn hình thức thi tuyển)	1. Sinh lý động vật 2. Miễn dịch học 3. Ngoại ngữ
10.2	Điều kiện xét tuyển	- Đảm bảo yêu cầu chuẩn đầu vào. - Theo quy định chung của Đại học Cần Thơ

Chương trình đào tạo chi tiết (*)

Tổng số tín chỉ: 60 TC

Thời gian đào tạo:

- **Hệ chính quy:** 24 tháng; thời gian đào tạo tối đa: 48 tháng
- **Hệ vừa học vừa làm:** 29 tháng; thời gian đào tạo tối đa: 58 tháng

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HK thực hiện
Phần kiến thức chung									
1	ML605	Triết học	3	x		45			I, II, III
<i>Cộng: 3 TC (Bắt buộc: 3 TC; Tự chọn: 0 TC)</i>									
Phần kiến thức khối ngành									
2	NNN648	Phương pháp nghiên cứu khoa học - Chăn nuôi & Thú y	2	x		30			I, II, III
3	NNN603	Giống vật nuôi	2	x		30			I, II, III
4	NNN621	Thâm cứu sinh lý vật nuôi	2	x		30			I, II, III
5	NNN622	Thâm cứu dinh dưỡng vật nuôi	2	x		20	20		I, II, III
6	NNN636	Dinh dưỡng heo và gia cầm	2		x	30			I, II, III
7	NNN606	Dinh dưỡng gia súc nhai lại	2		x	30			I, II, III
8	NNN607	Hóa sinh động vật	2		x	30			I, II, III
9	NNN637	Quản lý chất lượng sản phẩm chăn nuôi	2		x	30			I, II, III
10	NNN625	Di truyền động vật	2		x	30			I, II, III
11	NNN624	Sinh lý sinh sản vật nuôi	2		x	30			I, II, III
12	NNN608	Sinh lý dinh dưỡng vật nuôi	2		x	30			I, II, III
<i>Cộng: 14 TC (Bắt buộc: 8 TC; TC: 06 TC)</i>									
Phần kiến thức chuyên ngành									
13	NNN610	Anh văn chuyên ngành chăn nuôi	2	x		30			I, II, III
14	NNN612	Công nghệ thức ăn vật nuôi	2	x		20	20		I, II, III
15	CT888	Năng lực số A	2	x		30			I, II, III
16	NNN616	Công nghệ chăn nuôi heo	3	x		30	30		I, II, III
17	NNN617	Công nghệ chăn nuôi gia súc nhai lại	3	x		30	30		I, II, III
18	NNN618	Công nghệ chăn nuôi gia cầm	3	x		30	30		I, II, III
19	NNN638	Dinh dưỡng học hệ gen vật nuôi	3		x	30	30		I, II, III
20	NNN639	Công nghệ chăn nuôi sạch	2		x	30			I, II, III
21	NNN640	Chăn nuôi tuần hoàn	2		x	30			I, II, III
22	NNN613	Quản lý trang trại chăn nuôi	2		x	30			I, II, III
23	NNN623	Ứng dụng công nghệ sinh học trong chăn nuôi	2		x	20	20		I, II, III
24	NNN619	Bảo tồn và phát triển động vật quý hiếm	2		x	30			I, II, III

ng

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HK thực hiện
25	NNN620	Tập tính vật nuôi	2		x	30			I, II, III
26	NNN626	Bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi	2		x	20	20		I, II, III
27	NNN649	Quản lý chuỗi sản xuất dịch vụ chăn nuôi - thú y	2		x	20	20		I, II, III
28	NNN628	Công nghệ chăn nuôi thỏ	2		x	30			I, II, III
29	NNN629	Chăn nuôi thú cảnh	2		x	30			I, II, III
30	NN745	Bệnh truyền nhiễm	2		x	15	30		I, II, III
31	NNN635	Quản lý dịch bệnh	2		x	30			I, II, III
32	NNY614	Dược lý	2		x	15	30		I, II, III
33	NNN631	Quản lý môi trường chăn nuôi	2		x	20	20		I, II, III
Cộng: 28 TC (Bắt buộc: 15 TC; Tự chọn: 13 TC)									
Phần học phần thực tập và tốt nghiệp									
34	NNN001	Đề án tốt nghiệp	9	x			270		I, II, III
35	NNN002	Thực tập tốt nghiệp	6	x			270		I, II, III
Cộng: 15 TC (Bắt buộc: 15 TC; Tự chọn: 0 TC)									
		Tổng cộng	60	41	19				

Cần Thơ, ngày 28 tháng 8 năm 2025

ĐẠI HỌC CẦN THƠ

**BAN GIÁM HIỆU
HIỆU TRƯỞNG**

**HỘI ĐỒNG KH&ĐT
CHỦ TỊCH**

**TRƯỜNG NÔNG NGHIỆP
HIỆU TRƯỞNG**

Trần Trung Tính

Trần Ngọc Hải

Lê Văn Vàng